

Số: 04/2019/QĐ-VDS

Yên Lạc, ngày 22 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Minh N

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Thúy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thịnh Thùy – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 217/2019/TLST-VDS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2019/QĐST-VDS ngày 25 tháng 9 năm 2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973(vắng mặt); địa chỉ: Số 79A/131B, đường XX, phường X, Quận G, thành Phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc L - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Việt H - Chức vụ: Cán bộ tư pháp xã H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2/ Anh Đặng Văn N, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3/ Chị Kim Thị B, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị T trình bày:

Anh Đặng Văn N và chị Kim Thị B kết hôn với nhau ngày 22/4/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh N, chị B đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký số 227, ngày 22 tháng 4 năm 2010. Tại Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện anh Đặng Văn N sinh ngày 02 tháng 01 năm 1990. Tuy nhiên bà được biết thực tế anh N sinh ngày 06 tháng 7 năm 1991 và giấy chứng minh nhân dân của anh N cũng thể hiện anh sinh ngày 06 tháng 7 năm 1991. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị B và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân. Bà T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh N và chị B thống nhất trình bày:

Anh chị kết hôn với nhau ngày 22 tháng 4 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh N không xuất trình được giấy chứng minh nhân dân mà anh chỉ có tài liệu là sổ hộ khẩu thể hiện anh N sinh ngày 02 tháng 01 năm 1990. Tuy nhiên, thực tế anh N sinh ngày 06 tháng 7 năm 1991. Quá trình chung sống, giữa chị B và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Anh N và chị B đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 8/2017 cho đến nay. Cả hai anh chị đều xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Anh N, chị B đều thống nhất có 02 con chung là cháu Đặng Như Q, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Đặng Minh G, sinh ngày 09/12/2012. Anh N và chị B thỏa thuận, anh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Q và cháu G, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức: Anh N, chị B không yêu cầu giải quyết.

Ông Đặng Việt H là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã H trình bày:

Ngày 22 tháng 4 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã H làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Đặng Văn N và chị Kim Thị B. Sau khi kiểm tra tờ khai và giấy

tờ do anh N, chị B cung cấp thấy hợp lệ, đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Ủy ban nhân dân xã H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh N và chị B theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 227/2010, quyển số: 01 ngày 22 tháng 4 năm 2010.

Tại thời điểm kết hôn anh N không cung cấp được Giấy chứng minh nhân dân mà chỉ có sổ hộ khẩu là giấy tờ thay thế, sổ hộ khẩu thể hiện anh Đặng Văn N sinh ngày 02/01/1990. Kiểm tra kho lưu trữ sổ đăng ký khai sinh của xã H chỉ còn lưu trữ được sổ đăng ký khai sinh từ năm 1999 cho đến nay. Bà T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Văn N và chị Kim Thị B, Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền, lợi ích của các bên. Trường hợp anh N, chị B yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét cho anh N, chị B ly hôn do anh N đã đủ tuổi kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm:

Đề nghị căn cứ các Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 29, Điều 149, Điều 362 và Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Nguyễn Thị T. Cho anh N được ly hôn với chị B. Về con chung giao cháu Đặng Như Q, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Đặng Minh G, sinh ngày 09/12/2012 cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức: Anh N, chị B không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Thẩm phán chủ tọa xem xét và giải quyết về lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có đơn yêu cầu là bà Nguyễn Thị T mẹ đẻ chị Kim Thị B yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị B vì thời điểm đăng ký kết hôn anh N chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Anh N có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Y, chị B có hộ khẩu thường trú tại xã Bình Định nên cơ quan đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu:

Anh Đặng Văn N và chị Kim Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 22/4/2010. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được thấy rằng: Anh Đặng Văn N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1991 theo giấy chứng minh nhân dân của anh N thời điểm anh N kết hôn với chị B, anh N chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Công chức tư pháp chỉ căn cứ vào “Sổ hộ khẩu” số 173 ngày 08/4/2010 của Công an xã H để đăng ký kết hôn cho anh N là không đủ căn cứ nên cần hủy đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2010 giữa anh Đặng Văn N và chị Kim Thị B vì trái pháp luật.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, anh N, chị B đã đủ tuổi kết hôn. Quá trình chung sống, anh N, chị B có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau đồng thời anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị B đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, anh N và chị B đều đề nghị được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Về con chung: Anh N, chị B đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Đặng Như Q, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Đặng Minh G, sinh ngày 09/12/2012. Anh N và chị B thỏa thuận, anh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Q và cháu G, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, thỏa thuận giữa anh N và chị B về nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm. Do vậy, giao cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đặng Như Q và Đặng Minh G, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là có căn cứ.

Các vấn đề khác anh N, chị B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Nguyễn Thị T.

2. Cho anh Đặng Văn N được ly hôn chị Kim Thị B.

Về con chung: Giao cháu Đặng Như Q, sinh ngày 02/11/2010 và cháu Đặng Minh G, sinh ngày 09/12/2012 cho anh Đặng Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện cháu Q và cháu Quang đang ở với anh N). Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Trả lại bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005633 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao Quyết định hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Minh Tuấn